

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28-3-2018

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Tấn Thọ

Ông Nguyễn Văn Chậu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nhân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Loan -Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 545/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Ngọc M, sinh năm: 1997 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp TL, xã TP, huyện BD, tỉnh BT.

- Bị đơn: Nguyễn Trọng N, sinh năm: 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp PT, xã TP, huyện BĐ, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn đề ngày 17/11/2017 và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn chị Trần Ngọc M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Trọng N kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện BĐ, tỉnh BT. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2015 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu và hiện nay đang sống với người phụ nữ khác. Chị và anh N ly thân từ tháng 01 năm 2015 đến nay, cả hai sống riêng không có hàn gắn lại tình cảm. Quá trình chung sống chị với anh N có với nhau 01 con chung Nguyễn Ngọc Phương N, sinh ngày: 11/7/2014, con chung hiện nay chị đang nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Nguyễn Trọng N.
- Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.
- Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, chị M vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

*Tại bản tự khai ngày 04/01/2018, bị đơn anh Nguyễn Trọng N trình bày:

Anh đồng ý ly hôn với chị M, đồng ý để chị M nuôi con chung, không cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Bị đơn anh Nguyễn Trọng N vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh N là đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Ngọc M. Con chung để chị M được tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung: chị M khai không có nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Trọng N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 04/01/2018. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Ngọc M và anh Nguyễn Trọng N kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện BD, tỉnh BT, phù hợp quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cả hai chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2015 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị M trình bày là do anh N không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu và hiện nay đang sống với người phụ nữ khác. Cả hai ly thân từ tháng 01 năm 2015

đến nay, mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau, không hàn gắn lại tình cảm. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị M và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị M yêu cầu được ly hôn với anh N và tại bản tự khai ngày 04/01/2018, anh N đồng ý ly hôn với chị M. Căn cứ quy định Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị M và anh N là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[3] Về con chung:

Chị M và anh N khai thống nhất, chung sống có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Phương N, sinh ngày: 11/7/2014, hiện chị M đang nuôi dưỡng. Đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Tại bản tự khai ngày 04/01/2018 anh N đồng ý để chị M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi dưỡng con chung giữa chị M và anh N phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Chị M nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của chị M nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh N khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị M và anh N mỗi người phải chịu theo luật định là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Ngọc M và anh Nguyễn Trọng N.

2. Về con chung:

Chị Trần Ngọc M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Phương N, sinh ngày: 11/7/2014.

Ghi nhận chị M không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời gian con chung của chị M và anh N chưa thành niên, chị M có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, anh N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Anh N không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Ngọc M và anh Nguyễn Trọng N khai thông nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Trần Ngọc M phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0006300 ngày 21/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, chị M được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Anh Nguyễn Trọng N phải chịu là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Nguyên đơn chị Trần Ngọc M có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Nguyễn Trọng N vắng mặt tại phiên Tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- (Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- UBND xã Thạnh Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Phương